

Số: 386 /TB-BV

Vinh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO

“V/v Thông tin thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An đợt 01/2020”

Kính gửi: Các ứng viên tuyển dụng tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An

Thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện thông báo số 151/TB-BV ngày 20/3/2020 về việc Thực hiện Kế hoạch thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An đợt 01/2020; Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An thông báo tới ứng viên thực hiện các nội dung sau:

1. Cập nhật các thông tin sau đính kèm tại thông báo này:

1.1. Danh sách thí sinh, Sơ đồ thi:

- Danh sách thí sinh, Sổ báo danh
- Danh sách phòng thi
- Sơ đồ địa điểm gửi xe, địa điểm thi (02 khu vực thi: Nhà A0; Thư viện)
- Sơ đồ phòng thi

1.2. Nội quy, quy chế thi:

- Nội quy thi
- Lưu ý khi tham gia thi và vào phòng thi

1.3. Thời gian biểu thi

1.4. Kế hoạch phòng chống dịch Covid 19 thực hiện công tác thi tuyển

2. Điền phiếu khai báo y tế:

- Để đảm bảo cho công tác phòng chống dịch Covid 19, yêu cầu thí sinh điền phiếu khai báo y tế theo đường link: https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSfsCyQp2Ie2T1D-5GgHwI_hBUWNK6AG7XETUR80rm13ZISkTw/viewform?vc=0&c=0&w=1

(Ứng viên click đường link tại trang website <http://bvnghean.vn> hoặc Facebook Bệnh viện)

Thí sinh hoàn thành phiếu khảo sát trước **16h30, ngày 23/3/2020**.

- Khi vào phòng thi, đề nghị thí sinh thực hiện đúng theo quy trình đeo khẩu trang và khử khuẩn tại quy định đính kèm.

Lưu ý: Thí sinh khi đến địa điểm thi, gửi xe tại Gara bên trái cổng chính trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An (xem chi tiết tại Sơ đồ). Sau đó tới phòng thi đã bố trí, nhận khẩu trang và khử khuẩn bàn tay theo quy định, mang theo CMND để đối chiếu, được phổ biến nội quy và tham gia thi.

Đề nghị các ứng viên cập nhật thông tin để chuẩn bị cho công tác thi tuyển vào làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An được tốt nhất.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCB



PGS.TS. Nguyễn Văn Hương

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM GIA THI TUYỂN VIÊN CHỨC
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN ĐỢT 1 NĂM 2020**

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
1	1	LÊ THỊ HOÀI	AN	25/5/1996	Điều dưỡng hạng IV	1	1	A0 401	
2	2	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	25/05/1992	Điều dưỡng hạng IV	2	1	A0 401	
3	3	HOÀNG THỊ NGỌC	ÁNH	20/02/1997	Điều dưỡng hạng IV	3	1	A0 401	
4	4	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	09/01/1997	Hộ sinh hạng IV	4	1	A0 401	
5	5	PHAN TUYẾT	ÁNH	08/01/1997	Điều dưỡng hạng IV	5	1	A0 401	
6	6	PHAN LỄ	CẦU	08/10/1986	Điều dưỡng hạng IV	6	1	A0 401	
7	7	CAO THỊ	CÔNG	04/6/1995	Hộ sinh hạng IV	7	1	A0 401	
8	8	ĐẶNG THỊ	DUNG	26/11/1991	Hộ sinh hạng IV	8	1	A0 401	
9	9	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	27/01/1997	Điều dưỡng hạng IV	9	1	A0 401	
10	10	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	08/4/1997	Điều dưỡng hạng IV	10	1	A0 401	
11	11	THÁI THỊ	DUNG	24/1/1993	Điều dưỡng hạng IV	11	1	A0 401	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
12	12	TRẦN THỊ	DƯƠNG	20/04/1988	Điều dưỡng hạng IV	12	1	A0 401	
13	13	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	01/02/1996	Điều dưỡng hạng IV	13	1	A0 401	
14	14	HOÀNG THỊ	DUYÊN	07/2/1994	Điều dưỡng hạng IV	14	1	A0 401	
15	15	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	22/02/1995	Điều dưỡng hạng IV	15	1	A0 401	
16	16	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	03/2/1994	Điều dưỡng hạng IV	16	1	A0 401	
17	17	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	29/1/1993	Điều dưỡng hạng IV	17	1	A0 401	
18	18	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	22/7/1992	Điều dưỡng hạng IV	18	1	A0 401	
19	19	HỒ THỊ TRÀ	GIANG	01/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	1	2	A0 402	
20	20	NGUYỄN THỊ	GIANG	25/5/1993	Điều dưỡng hạng IV	2	2	A0 402	
21	21	NGUYỄN THỊ	GIANG	17/6/1994	Hộ sinh hạng IV	3	2	A0 402	
22	22	TRẦN THỊ THANH	GIANG	08/7/1997	Hộ sinh hạng IV	4	2	A0 402	
23	23	CHU THỊ THANH	HÀ	04/9/1994	Điều dưỡng hạng IV	5	2	A0 402	
24	24	NGUYỄN NGỌC	HÀ	15/10/1995	Điều dưỡng hạng IV	6	2	A0 402	
25	25	NGUYỄN THỊ	HÀ	28/11/1995	Điều dưỡng hạng IV	7	2	A0 402	
26	26	PHẠM THỊ THU	HÀ	29/01/1991	Điều dưỡng hạng IV	8	2	A0 402	
27	27	THÁI THỊ VIỆT	HÀ	19/4/1998	Điều dưỡng hạng IV	9	2	A0 402	
28	28	TRẦN THỊ	HÀ	07/9/1996	Điều dưỡng hạng IV	10	2	A0 402	
29	29	NGUYỄN THỊ	HÂN	17/07/1995	Điều dưỡng hạng IV	11	2	A0 402	
30	30	BÙI THỊ	HĂNG	11/2/1995	Điều dưỡng hạng IV	12	2	A0 402	
31	31	LÊ THỊ	HĂNG	01/08/1998	Điều dưỡng hạng IV	13	2	A0 402	
32	32	NGUYỄN DIỆU	HĂNG	26/8/1995	Điều dưỡng hạng IV	14	2	A0 402	
33	33	NGUYỄN THẢO	HĂNG	04/10/1994	Điều dưỡng hạng IV	15	2	A0 402	
34	34	NGUYỄN THỊ	HĂNG	09/9/1997	Điều dưỡng hạng IV	16	2	A0 402	
35	35	BÙI THỊ	HẠNH	11/7/1996	Điều dưỡng hạng IV	17	2	A0 402	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
36	36	CAO THỊ ĐỨC	HẠNH	11/05/1997	Hộ sinh hạng IV	18	2	A0 402	
37	37	ĐÌNH THỊ	HẠNH	04/04/1998	Điều dưỡng hạng IV	1	3	A0 406	
38	38	NGUYỄN THỊ	HẠNH	22/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	2	3	A0 406	
39	39	NGUYỄN THỊ MAI	HIỀN	07/04/1995	Điều dưỡng hạng IV	3	3	A0 406	
40	40	BÙI THỊ	HIỀN	28/10/1995	Điều dưỡng hạng IV	4	3	A0 406	
41	41	ĐÌNH THỊ	HIỀN	25/09/1998	Điều dưỡng hạng IV	5	3	A0 406	
42	42	LÊ THỊ	HIỀN	04/09/1993	Điều dưỡng hạng IV	6	3	A0 406	
43	43	NGUYỄN THỊ	HIỀN	10/12/1992	Điều dưỡng hạng IV	7	3	A0 406	
44	44	TRẦN VÕ	HIỀN	12/3/1989	Điều dưỡng hạng IV	8	3	A0 406	
45	45	VƯƠNG THỊ	HIỀN	27/05/1989	Điều dưỡng hạng IV	9	3	A0 406	
46	46	ĐÌNH THỊ	HOA	12/05/1987	Điều dưỡng hạng IV	10	3	A0 406	
47	47	NGÔ THỊ	HOA	10/02/1995	Điều dưỡng hạng IV	11	3	A0 406	
48	48	NGUYỄN THỊ	HOA	06/8/1990	Điều dưỡng hạng IV	12	3	A0 406	
49	49	TRẦN THỊ	HOA	17/7/1995	Điều dưỡng hạng IV	13	3	A0 406	
50	50	BÙI THỊ	HÒA	23/3/1997	Hộ sinh hạng IV	14	3	A0 406	
51	51	NGUYỄN THỊ	HÒA	26/10/1994	Điều dưỡng hạng IV	15	3	A0 406	
52	52	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	24/08/1990	Điều dưỡng hạng IV	16	3	A0 406	
53	53	NGUYỄN THỊ	HOAN	19/5/1997	Điều dưỡng hạng IV	17	3	A0 406	
54	54	ĐÌNH THỊ	HÒE	15/1/1997	Điều dưỡng hạng IV	18	3	A0 406	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
55	55	LÊ THỊ	HỒNG	04/01/1994	Điều dưỡng hạng IV	19	3	A0 406	
56	56	BÙI THỊ	HƯƠNG	12/8/1995	Hộ sinh hạng IV	20	3	A0 406	
57	57	LÃNG THỰC	HƯƠNG	20/12/1992	Điều dưỡng hạng IV	21	3	A0 406	
58	58	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	22/05/1995	Điều dưỡng hạng IV	22	3	A0 406	
59	59	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	01/05/1995	Điều dưỡng hạng IV	23	3	A0 406	
60	60	QUẾ THỊ	HƯƠNG	30/6/1994	Điều dưỡng hạng IV	24	3	A0 406	
61	61	TRẦN THỊ	HƯƠNG	05/6/1992	Điều dưỡng hạng IV	25	3	A0 406	
62	62	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	25/3/1995	Điều dưỡng hạng IV	26	3	A0 406	
63	63	KIỀU THỊ THANH	HUYỀN	18/8/1995	Điều dưỡng hạng IV	27	3	A0 406	
64	64	LÊ THỊ	HUYỀN	08/10/1993	Điều dưỡng hạng IV	1	4	A0 407	
65	65	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	03/11/1991	Điều dưỡng hạng IV	2	4	A0 407	
66	66	TỔNG THỊ	HUYỀN	05/11/1995	Điều dưỡng hạng IV	3	4	A0 407	
67	67	NGUYỄN THỊ	LAM	09/12/1997	Điều dưỡng hạng IV	4	4	A0 407	
68	68	PHẠM THỊ	LAM	15/9/1995	Điều dưỡng hạng IV	5	4	A0 407	
69	69	ĐẶNG THỊ	LAN	23/2/1996	Điều dưỡng hạng IV	6	4	A0 407	
70	70	NGUYỄN THỊ	LÊ	12/6/1996	Điều dưỡng hạng IV	7	4	A0 407	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
71	71	NGUYỄN THỊ	LIÊN	22/9/1997	Điều dưỡng hạng IV	8	4	A0 407	
72	72	CHU THỊ THÙY	LINH	18/4/1997	Điều dưỡng hạng IV	9	4	A0 407	
73	73	LÊ THỊ	LINH	07/01/1992	Điều dưỡng hạng IV	10	4	A0 407	
74	74	NGUYỄN HOÀNG YẾN	LINH	19/5/1993	Điều dưỡng hạng IV	11	4	A0 407	
75	75	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	28/05/1998	Điều dưỡng hạng IV	12	4	A0 407	
76	76	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	01/6/1997	Điều dưỡng hạng IV	13	4	A0 407	
77	77	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	18/8/1990	Điều dưỡng hạng IV	14	4	A0 407	
78	78	TRẦN THỊ MỸ	LINH	15/07/1997	Điều dưỡng hạng IV	15	4	A0 407	
79	79	VÕ THỊ TÚ	LINH	20/8/1995	Điều dưỡng hạng IV	16	4	A0 407	
80	80	NGUYỄN THỊ	LỘC	17/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	17	4	A0 407	
81	81	TRẦN CAO VŨ	LONG	22/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	18	4	A0 407	
82	82	LÊ THỊ KHÁNH	LY	29/08/1992	Điều dưỡng hạng IV	19	4	A0 407	
83	83	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	24/3/1995	Điều dưỡng hạng IV	20	4	A0 407	
84	84	BÙI THỊ	LÝ	02/12/1994	Điều dưỡng hạng IV	21	4	A0 407	
85	85	NGUYỄN THỊ	LÝ	24/05/1994	Điều dưỡng hạng IV	22	4	A0 407	
86	86	NGUYỄN THỊ	MAI	10/6/1988	Điều dưỡng hạng IV	23	4	A0 407	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
87	87	NGUYỄN THỊ	MAI	20/5/1993	Điều dưỡng hạng IV	24	4	A0 407	
88	88	HOÀNG THỊ	MINH	10/4/1992	Hộ sinh hạng IV	25	4	A0 407	
89	89	TRẦN THỊ	MINH	21/02/1993	Điều dưỡng hạng IV	26	4	A0 407	
90	90	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	04/7/1996	Hộ sinh hạng IV	27	4	A0 407	
91	91	PHAN THỊ HÀ	MY	17/11/1992	Điều dưỡng hạng IV	1	5	A0 501	
92	92	NGUYỄN THỊ	MỸ	18/10/1995	Điều dưỡng hạng IV	2	5	A0 501	
93	93	TRƯƠNG THỊ	MỸ	24/09/1996	Điều dưỡng hạng IV	3	5	A0 501	
94	94	NGUYỄN LÊ	NA	18/5/1997	Điều dưỡng hạng IV	4	5	A0 501	
95	95	ĐOÀN THỊ	NAM	20/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	5	5	A0 501	
96	96	HOÀNG THỊ	NĂM	02/02/1994	Điều dưỡng hạng IV	6	5	A0 501	
97	97	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	04/02/1994	Điều dưỡng hạng IV	7	5	A0 501	
98	98	ĐẬU VĂN	NGÂN	10/7/1992	Điều dưỡng hạng IV	8	5	A0 501	
99	99	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	06/11/1997	Điều dưỡng hạng IV	9	5	A0 501	
100	100	PHAN THỊ	NHO	25/12/1991	Điều dưỡng hạng IV	10	5	A0 501	
101	101	CUNG THỊ	NHUNG	20/2/1997	Điều dưỡng hạng IV	11	5	A0 501	
102	102	ĐINH THỊ HỒNG	NHUNG	12/12/1994	Điều dưỡng hạng IV	12	5	A0 501	
103	103	NGUYỄN THỊ	NHUNG	20/9/1994	Điều dưỡng hạng IV	13	5	A0 501	
104	104	NGUYỄN THỊ	NHUNG	07/01/1996	Hộ sinh hạng IV	14	5	A0 501	
105	105	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	26/03/1998	Điều dưỡng hạng IV	15	5	A0 501	
106	106	HỒ THỊ	OANH	01/2/1998	Điều dưỡng hạng IV	16	5	A0 501	
107	107	NGUYỄN THỊ	OANH	28/1/1991	Điều dưỡng hạng IV	17	5	A0 501	
108	108	NGUYỄN THỊ	OANH	20/7/1994	Điều dưỡng hạng IV	18	5	A0 501	
109	109	PHAN THỊ	OANH	03/8/1990	Hộ sinh hạng IV	1	6	A0 502	
110	110	LÊ THỊ	PHƯƠNG	19/10/1997	Điều dưỡng hạng IV	2	6	A0 502	
111	111	LÊ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	06/4/1994	Điều dưỡng hạng IV	3	6	A0 502	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
112	112	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	28/6/1996	Điều dưỡng hạng IV	4	6	A0 502	
113	113	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	08/7/1989	Điều dưỡng hạng IV	5	6	A0 502	
114	114	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	22/5/1990	Điều dưỡng hạng IV	6	6	A0 502	
115	115	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	12/10/1994	Điều dưỡng hạng IV	7	6	A0 502	
116	116	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	10/5/1993	Hộ sinh hạng IV	8	6	A0 502	
117	117	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	17/03/1997	Điều dưỡng hạng IV	9	6	A0 502	
118	118	TRẦN THỊ	SANG	18/10/1987	Hộ sinh hạng IV	10	6	A0 502	
119	119	CAO THỊ	SƯƠNG	20/08/1994	Điều dưỡng hạng IV	11	6	A0 502	
120	120	TRẦN VĂN	TÀI	27/3/1997	Điều dưỡng hạng IV	12	6	A0 502	
121	121	DOÃN NGỌC	TÂM	06/4/1990	Điều dưỡng hạng IV	13	6	A0 502	
122	122	LÊ THỊ	TÂM	12/4/1993	Điều dưỡng hạng IV	14	6	A0 502	
123	123	LƯƠNG THỊ	TÂM	24/8/1994	Điều dưỡng hạng IV	15	6	A0 502	
124	124	NGUYỄN THỊ HOÀI	THANH	06/02/1990	Hộ sinh hạng IV	16	6	A0 502	
125	125	TRẦN THỊ	THANH	06/04/1993	Điều dưỡng hạng IV	17	6	A0 502	
126	126	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	12/11/1994	Hộ sinh hạng IV	18	6	A0 502	
127	127	NGUYỄN THỊ	THẢO	29/11/1993	Điều dưỡng hạng IV	19	6	A0 502	
128	128	PHÙNG THỊ	THÊM	06/12/1994	Hộ sinh hạng IV	20	6	A0 502	
129	129	TRẦN THỊ	THÊM	05/12/1991	Điều dưỡng hạng IV	21	6	A0 502	
130	130	NGUYỄN THỊ	THIỆN	20/5/1994	Điều dưỡng hạng IV	22	6	A0 502	
131	131	NGUYỄN QUANG	THỊNH	17/07/1996	Điều dưỡng hạng IV	23	6	A0 502	
132	132	CAO THỊ THIÊN	THƠ	12/10/1992	Điều dưỡng hạng IV	24	6	A0 502	
133	133	PHẠM THỊ	THOA	10/9/1991	Điều dưỡng hạng IV	25	6	A0 502	
134	134	VÕ THỊ	THOA	10/8/1990	Điều dưỡng hạng IV	26	6	A0 502	
135	135	NGUYỄN THỊ	THU	10/12/1993	Hộ sinh hạng IV	1	7	A0 503	
136	136	ĐẶNG THỊ	THU	22/6/1996	Điều dưỡng hạng IV	2	7	A0 503	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
137	137	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	25/9/1990	Điều dưỡng hạng IV	3	7	A0 503	
138	138	TRẦN THỊ	THƯƠNG	09/12/1995	Điều dưỡng hạng IV	4	7	A0 503	
139	139	CAO ĐỨC	THƯƠNG	02/4/1994	Điều dưỡng hạng IV	5	7	A0 503	
140	140	CAO THỊ HỒNG	THÚY	27/06/1996	Điều dưỡng hạng IV	6	7	A0 503	
141	141	LÊ THỊ CHUNG	THỦY	29/4/1995	Điều dưỡng hạng IV	7	7	A0 503	
142	142	NGUYỄN THỊ	THỦY	25/05/1993	Điều dưỡng hạng IV	8	7	A0 503	
143	143	CAO THỊ	TRÀ	02/04/1995	Điều dưỡng hạng IV	9	7	A0 503	
144	144	THÁI THỊ	TRÀ	08/1/1998	Điều dưỡng hạng IV	10	7	A0 503	
145	145	BÙI THỊ QUỲNH	TRANG	13/11/1994	Điều dưỡng hạng IV	11	7	A0 503	
146	146	HOÀNG THỊ	TRANG	17/4/1993	Điều dưỡng hạng IV	12	7	A0 503	
147	147	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	20/9/1993	Điều dưỡng hạng IV	13	7	A0 503	
148	148	NGUYỄN THỊ	TRANG	05/4/1995	Hộ sinh hạng IV	14	7	A0 503	
149	149	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	11/08/1996	Điều dưỡng hạng IV	15	7	A0 503	
150	150	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	19/06/1995	Điều dưỡng hạng IV	16	7	A0 503	
151	151	HOÀNG HỮU	TRỌNG	27/9/1995	Điều dưỡng hạng IV	17	7	A0 503	
152	152	NGUYỄN ĐĂNG SƠN	TÙNG	04/02/1998	Điều dưỡng hạng IV	18	7	A0 503	
153	153	NGUYỄN THỊ	TUYẾN	11/10/1991	Điều dưỡng hạng IV	19	7	A0 503	
154	154	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	18/9/1997	Điều dưỡng hạng IV	20	7	A0 503	
155	155	TRƯƠNG THỊ	UYÊN	08/1/1997	Điều dưỡng hạng IV	21	7	A0 503	
156	156	ĐẶNG KHÁNH	VÂN	06/2/1993	Điều dưỡng hạng IV	22	7	A0 503	
157	157	VÕ THỊ	VÂN	17/11/1991	Điều dưỡng hạng IV	23	7	A0 503	
158	158	NGUYỄN THỊ	VIỆT	18/4/1997	Điều dưỡng hạng IV	24	7	A0 503	
159	159	BÙI THỊ	YẾN	10/6/1993	Điều dưỡng hạng IV	25	7	A0 503	
160	160	BÙI THỊ	YẾN	30/10/1987	Điều dưỡng hạng IV	26	7	A0 503	
161	161	HOÀNG THỊ HẢI	YẾN	08/4/1997	Hộ sinh hạng IV	1	8	A0 505	
162	162	NGUYỄN THỊ	YẾN	15/5/1991	Hộ sinh hạng IV	2	8	A0 505	
163	163	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	10/4/1995	Điều dưỡng hạng IV	3	8	A0 505	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
164	164	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	23/9/1993	Điều dưỡng hạng IV	4	8	A0 505	
165	165	TRẦN THỊ	YẾN	16/7/1996	Điều dưỡng hạng IV	5	8	A0 505	
166	166	CAO VĂN	ÂN	09/9/1992	Kỹ thuật y hạng IV	6	8	A0 505	
167	167	HOÀNG THÁI	ANH	14/3/1995	Kỹ thuật y hạng IV	7	8	A0 505	
168	168	TRẦN THỊ	CHÍN	24/6/1993	Kỹ thuật y hạng IV	8	8	A0 505	
169	169	PHẠM THANH	ĐỨC	02/7/1998	Kỹ thuật y hạng IV	9	8	A0 505	
170	170	BIỆN VĂN	GIÁP	18/04/1994	Kỹ thuật y hạng IV	10	8	A0 505	
171	171	ĐÀO VIỆT	HÀ	07/12/1996	Kỹ thuật y hạng IV	11	8	A0 505	
172	172	NGUYỄN THỊ DIỆU	HOA	22/4/1992	Kỹ thuật y hạng IV	12	8	A0 505	
173	173	NGUYỄN VĂN	HÙNG	11/5/1995	Kỹ thuật y hạng IV	13	8	A0 505	
174	174	NGUYỄN QUANG	HUY	20/10/1998	Kỹ thuật y hạng IV	14	8	A0 505	
175	175	NGUYỄN THỊ	KIM	01/2/1996	Kỹ thuật y hạng IV	15	8	A0 505	
176	176	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LAM	26/5/1991	Kỹ thuật y hạng IV	16	8	A0 505	
177	177	THÁI THÙY	LINH	03/9/1993	Kỹ thuật y hạng IV	17	8	A0 505	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
178	178	PHẠM THỊ	LÝ	12/11/1994	Kỹ thuật y hạng IV	18	8	A0 505	
179	179	SÀM THÁI	NGÂN	16/2/1996	Kỹ thuật y hạng IV	19	8	A0 505	
180	180	LÊ TRUNG	NGHĨA	26/01/1992	Kỹ thuật y hạng IV	20	8	A0 505	
181	181	NGUYỄN THỊ TRANG	NHUNG	26/04/1991	Kỹ thuật y hạng IV	21	8	A0 505	
182	182	LÊ HOÀNG	PHONG	29/6/1992	Kỹ thuật y hạng IV	22	8	A0 505	
183	183	LÊ HỒNG	QUÂN	08/9/1995	Kỹ thuật y hạng IV	23	8	A0 505	
184	184	NGUYỄN HỒNG	SƠN	06/2/1993	Kỹ thuật y hạng IV	24	8	A0 505	
185	185	TRẦN CAO	THÔNG	07/5/1997	Kỹ thuật y hạng IV	25	8	A0 505	
186	186	LÊ ĐỨC	AN	22/6/1995	Bác sĩ hạng III	1	9	A0 506	
187	187	LÊ THỊ HÀ	AN	03/9/1993	Bác sĩ hạng III	2	9	A0 506	
188	188	LÊ THỊ TÚ	ANH	26/12/1995	Bác sĩ hạng III	3	9	A0 506	
189	189	LÊ TRẦN	ANH	27/4/1994	Bác sĩ hạng III	4	9	A0 506	
190	190	LÊ TRUNG	ANH	19/8/1995	Bác sĩ hạng III	5	9	A0 506	
191	191	LƯU TUẤN	ANH	16/12/1993	Bác sĩ hạng III	6	9	A0 506	
192	192	MẠNH TRỌNG	BẰNG	13/11/1993	Bác sĩ hạng III	7	9	A0 506	
193	193	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	17/11/1995	Bác sĩ hạng III	8	9	A0 506	
194	194	PHAN THỊ QUỲNH	CHI	24/12/1994	Bác sĩ hạng III	9	9	A0 506	
195	195	QUẾ MINH	CƯỜNG	22/10/1992	Bác sĩ hạng III	10	9	A0 506	
196	196	NGUYỄN HUY	ĐẠT	20/5/1994	Bác sĩ hạng III	11	9	A0 506	
197	197	XÔNG BÁ	DIẢ	19/8/1991	Bác sĩ hạng III	12	9	A0 506	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
198	198	NGUYỄN VĂN	ĐIỀU	07/9/1993	Bác sĩ hạng III	13	9	A0 506	
199	199	HOÀNG QUANG	ĐÌNH	1/9/1995	Bác sĩ hạng III	14	9	A0 506	
200	200	HỒ SỸ	ĐỨC	25/12/1994	Bác sĩ hạng III	15	9	A0 506	
201	201	NGUYỄN ĐÌNH	ĐỨC	29/6/1995	Bác sĩ hạng III	16	9	A0 506	
202	202	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	23/7/1995	Bác sĩ hạng III	17	9	A0 506	
203	203	PHẠM MINH	DŨNG	28/06/1993	Bác sĩ hạng III	18	9	A0 506	
204	204	NGUYỄN THỊ	HÀ	26/09/1994	Bác sĩ hạng III	19	9	A0 506	
205	205	PHẠM THỊ THU	HÀ	22/08/1995	Bác sĩ hạng III	20	9	A0 506	
206	206	NGUYỄN ĐÌNH	HẢI	20/11/1991	Bác sĩ hạng III	21	9	A0 506	
207	207	PHẠM PHÚC	HẢI	05/12/1994	Bác sĩ hạng III	22	9	A0 506	
208	208	NGUYỄN VINH	HIỀN	25/01/1994	Bác sĩ hạng III	23	9	A0 506	
209	209	NGUYỄN QUỐC	HÒA	11/02/1995	Bác sĩ hạng III	24	9	A0 506	
210	210	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	15/3/1995	Bác sĩ hạng III	25	9	A0 506	
211	211	PHẠM NGỌC	HOÀNG	02/7/1994	Bác sĩ hạng III	1	10	A0 507	
212	212	PHAN TRỌNG	HOÀNG	23/05/1994	Bác sĩ hạng III	2	10	A0 507	
213	213	NGUYỄN VĂN	HỘI	07/05/1995	Bác sĩ hạng III	3	10	A0 507	
214	214	LÔ THỊ	HUỆ	09/12/1992	Bác sĩ hạng III	4	10	A0 507	
215	215	CAO VĂN	HÙNG	07/09/1994	Bác sĩ hạng III	5	10	A0 507	
216	216	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	27/6/1995	Bác sĩ hạng III	6	10	A0 507	
217	217	VÕ THỊ THANH	HƯƠNG	23/6/1994	Bác sĩ hạng III	7	10	A0 507	
218	218	PHẠM THỊ	HƯỜNG	10/09/1995	Bác sĩ hạng III	8	10	A0 507	
219	219	HOÀNG NGỌC	HUY	28/7/1995	Bác sĩ hạng III	9	10	A0 507	
220	220	NGUYỄN QUỐC	HUY	09/8/1993	Bác sĩ hạng III	10	10	A0 507	
221	221	MAI THỊ	HUYỀN	23/12/1995	Bác sĩ hạng III	11	10	A0 507	
222	222	NGUYỄN ĐÌNH	KỶ	10/6/1994	Bác sĩ hạng III	12	10	A0 507	
223	223	NGUYỄN TÙNG	LÂM	30/10/1995	Bác sĩ hạng III	13	10	A0 507	
224	224	TRẦN THỊ	LỆ	15/6/1995	Bác sĩ hạng III	14	10	A0 507	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
225	225	HỒ XUÂN	LINH	30/3/1993	Bác sĩ hạng III	15	10	A0 507	
226	226	THÁI THỊ	LINH	06/3/1995	Bác sĩ hạng III	16	10	A0 507	
227	227	LƯƠNG THỊ	LOAN	07/8/1994	Bác sĩ hạng III	17	10	A0 507	
228	228	ĐÀO THANH	LƯU	25/4/1992	Bác sĩ hạng III	18	10	A0 507	
229	229	NGUYỄN NHƯ	MẠNH	12/8/1994	Bác sĩ hạng III	19	10	A0 507	
230	230	NGUYỄN THỊ	MINH	05/10/1995	Bác sĩ hạng III	20	10	A0 507	
231	231	LÊ QUANG	NAM	16/10/1993	Bác sĩ hạng III	21	10	A0 507	
232	232	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	20/10/1993	Bác sĩ hạng III	22	10	A0 507	
233	233	NGUYỄN VĂN	NHÂN	04/08/1993	Bác sĩ hạng III	23	10	A0 507	
234	234	TRẦN NGỌC	NHẬT	10/5/1995	Bác sĩ hạng III	24	10	A0 507	
235	235	TRẦN VĂN	NHẬT	23/11/1995	Bác sĩ hạng III	25	10	A0 507	
236	236	NGUYỄN THỊ	NHUNG	20/11/1994	Bác sĩ hạng III	1	11	A0 508	
237	237	NGUYỄN THỊ	NHUNG	30/6/1995	Bác sĩ hạng III	2	11	A0 508	
238	238	NGUYỄN VĂN	PHONG	14/9/1995	Bác sĩ hạng III	3	11	A0 508	
239	239	LÊ HOÀNG	PHÚ	30/9/1995	Bác sĩ hạng III	4	11	A0 508	
240	240	VŨ THỊ	PHƯƠNG	05/8/1994	Bác sĩ hạng III	5	11	A0 508	
241	241	PHẠM VĂN	QUYỀN	18/10/1995	Bác sĩ hạng III	6	11	A0 508	
242	242	VÕ THỊ NHƯ	QUỲNH	02/9/1995	Bác sĩ hạng III	7	11	A0 508	
243	243	LƯU ĐỨC	SƠN	01/7/1995	Bác sĩ hạng III	8	11	A0 508	
244	244	HOÀNG THỊ	THÁI	10/3/1994	Bác sĩ hạng III	9	11	A0 508	
245	245	NGUYỄN VĂN	THÁI	25/04/1993	Bác sĩ hạng III	10	11	A0 508	
246	246	CAO VIỆT	THẮNG	20/5/1992	Bác sĩ hạng III	11	11	A0 508	
247	247	LÊ VĂN	THÀNH	16/10/1994	Bác sĩ hạng III	12	11	A0 508	
248	248	NGÂN THỊ	THÀNH	12/10/1994	Bác sĩ hạng III	13	11	A0 508	
249	249	VÕ QUANG	THÀNH	01/10/1995	Bác sĩ hạng III	14	11	A0 508	
250	250	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	04/9/1995	Bác sĩ hạng III	15	11	A0 508	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
251	251	NGUYỄN SỸ	THỊNH	24/10/1995	Bác sĩ hạng III	16	11	A0 508	
252	252	LÊ THỊ HỒNG	THÚY	12/11/1995	Bác sĩ hạng III	17	11	A0 508	
253	253	NGUYỄN TRẦN	TIỀN	06/5/1995	Bác sĩ hạng III	18	11	A0 508	
254	254	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	15/6/1994	Bác sĩ hạng III	19	11	A0 508	
255	255	NGUYỄN HIỀN	TRANG	06/4/1995	Bác sĩ hạng III	20	11	A0 508	
256	256	NGUYỄN THỊ	TRANG	10/10/1993	Bác sĩ hạng III	21	11	A0 508	
257	257	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	16/07/1995	Bác sĩ hạng III	22	11	A0 508	
258	258	ĐỖ NGỌC	TRỌNG	03/6/1994	Bác sĩ hạng III	23	11	A0 508	
259	259	DƯƠNG CẨM	TÚ	25/12/1994	Bác sĩ hạng III	24	11	A0 508	
260	260	BÙI VĂN	TUẤN	28/06/1995	Bác sĩ hạng III	25	11	A0 508	
261	261	NGUYỄN ĐÌNH	TUẤN	02/11/1995	Bác sĩ hạng III	1	12	Lab 201	
262	262	NGUYỄN THANH	TUẤN	18/10/1995	Bác sĩ hạng III	2	12	Lab 201	
263	263	PHẠM THỊ THU	UYÊN	26/12/1995	Bác sĩ hạng III	3	12	Lab 201	
264	264	PHAN THÀNH	VINH	23/10/1995	Bác sĩ hạng III	4	12	Lab 201	
265	265	PHẠM VĂN	VỸ	19/10/1994	Bác sĩ hạng III	5	12	Lab 201	
266	266	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	17/02/1992	Bác sĩ hạng III	6	12	Lab 201	
267	267	NGUYỄN THỊ	ANH	10/7/1993	Điều dưỡng hạng III	7	12	Lab 201	
268	268	QUÁN THỊ LAN	ANH	10/9/1993	Điều dưỡng hạng III	8	12	Lab 201	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
269	269	TRẦN THỊ LAN	ANH	20/12/1993	Điều dưỡng hạng III	9	12	Lab 201	
270	270	TRẦN TUẤN	ANH	17/10/1993	Điều dưỡng hạng III	10	12	Lab 201	
271	271	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	14/7/1995	Điều dưỡng hạng III	11	12	Lab 201	
272	272	NGUYỄN VĂN	ĐẠO	11/09/1994	Điều dưỡng hạng III	12	12	Lab 201	
273	273	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	07/10/1983	Điều dưỡng hạng III	13	12	Lab 201	Miễn Ngoại Ngữ
274	274	TRẦN THỊ	DUNG	09/11/1993	Điều dưỡng hạng III	14	12	Lab 201	
275	275	MAI THỊ HỒNG	DUYÊN	08/2/1997	Điều dưỡng hạng III	15	12	Lab 201	
276	276	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	25/01/1993	Điều dưỡng hạng III	16	12	Lab 201	
277	277	PHẠM THỊ HẢI	GIANG	10/8/1994	Điều dưỡng hạng III	17	12	Lab 201	
278	278	LÊ THỊ THÁI	HÀ	25/10/1995	Điều dưỡng hạng III	18	12	Lab 201	
279	279	NGUYỄN THỊ	HÀ	11/4/1995	Điều dưỡng hạng III	19	12	Lab 201	
280	280	NGUYỄN THỊ	HÀ	22/3/1994	Điều dưỡng hạng III	20	12	Lab 201	
281	281	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	15/6/1995	Điều dưỡng hạng III	21	12	Lab 201	
282	282	NGUYỄN THỊ	HẰNG	17/3/1993	Điều dưỡng hạng III	22	12	Lab 201	
283	283	NGUYỄN THỊ	HẰNG	15/10/1996	Điều dưỡng hạng III	23	12	Lab 201	
284	284	NGUYỄN THỊ	HẰNG	15/9/1990	Điều dưỡng hạng III	1	13	Lab 202	
285	285	NGUYỄN THÚY	HẰNG	12/06/1992	Điều dưỡng hạng III	2	13	Lab 202	
286	286	ĐOÀN THỊ THU	HIỀN	31/08/1997	Điều dưỡng hạng III	3	13	Lab 202	
287	287	NGUYỄN THỊ	HIỀN	20/07/1997	Điều dưỡng hạng III	4	13	Lab 202	
288	288	NGUYỄN THỊ BÍCH	HIỀN	07/06/1992	Điều dưỡng hạng III	5	13	Lab 202	
289	289	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	02/7/1997	Điều dưỡng hạng III	6	13	Lab 202	
290	290	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	14/8/1997	Điều dưỡng hạng III	7	13	Lab 202	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
291	291	PHẠM THỊ	HIỀN	15/08/1995	Điều dưỡng hạng III	8	13	Lab 202	
292	292	TRẦN NGỌC	HIẾU	02/11/1993	Điều dưỡng hạng III	9	13	Lab 202	
293	293	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/4/1995	Điều dưỡng hạng III	10	13	Lab 202	
294	294	NGUYỄN THỊ	HỒNG	29/10/1992	Điều dưỡng hạng III	11	13	Lab 202	
295	295	NGUYỄN THỊ	HUẾ	26/9/1996	Điều dưỡng hạng III	12	13	Lab 202	
296	296	TĂNG THỊ MINH	HUỆ	18/3/1989	Điều dưỡng hạng III	13	13	Lab 202	
297	297	ĐẶNG THỊ LAN	HƯƠNG	26/12/1995	Điều dưỡng hạng III	14	13	Lab 202	
298	298	PHAN THỊ	HƯƠNG	10/10/1997	Điều dưỡng hạng III	15	13	Lab 202	
299	299	TRẦN THỊ THU	HUYỀN	28/7/1996	Điều dưỡng hạng III	16	13	Lab 202	
300	300	TRỊNH THỊ	HUYỀN	16/11/1997	Điều dưỡng hạng III	17	13	Lab 202	
301	301	TRẦN VĂN	KHÁNH	14/12/1990	Điều dưỡng hạng III	18	13	Lab 202	
302	302	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	10/12/1990	Điều dưỡng hạng III	19	13	Lab 202	
303	303	NGUYỄN THỊ	KIỀU	18/02/1994	Điều dưỡng hạng III	20	13	Lab 202	
304	304	NGUYỄN THỊ	LAM	01/2/1993	Điều dưỡng hạng III	21	13	Lab 202	
305	305	BÙI THỊ	LÀNH	26/04/1995	Điều dưỡng hạng III	22	13	Lab 202	
306	306	PHẠM QUỲNH	LÊ	05/9/1983	Điều dưỡng hạng III	23	13	Lab 202	
307	307	HOÀNG THỊ	LỆ	22/7/1994	Điều dưỡng hạng III	1	14	Lab 203	
308	308	TRẦN THỊ	LIỄU	02/02/1994	Điều dưỡng hạng III	2	14	Lab 203	
309	309	ĐÌNH THỊ	LIỆU	23/6/1993	Điều dưỡng hạng III	3	14	Lab 203	
310	310	CHU QUANG	LƯƠNG	08/05/1994	Điều dưỡng hạng III	4	14	Lab 203	
311	311	NGUYỄN THỊ MỸ	LY	03/09/1996	Điều dưỡng hạng III	5	14	Lab 203	
312	312	BÙI THỊ	MAI	06/12/1988	Điều dưỡng hạng III	6	14	Lab 203	
313	313	HOÀNG THỊ	MAI	25/11/1994	Điều dưỡng hạng III	7	14	Lab 203	
314	314	NGUYỄN THỊ	MAI	04/06/1993	Điều dưỡng hạng III	8	14	Lab 203	
315	315	NGUYỄN THỊ HÀ	NA	05/05/1996	Điều dưỡng hạng III	9	14	Lab 203	
316	316	NGUYỄN QUANG	NAM	26/10/1993	Điều dưỡng hạng III	10	14	Lab 203	

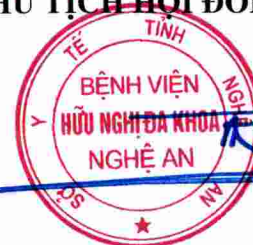
STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
317	317	LÔ THỊ	NGA	14/08/1995	Điều dưỡng hạng III	11	14	Lab 203	
318	318	NGÔ THỊ	NGA	17/08/1995	Điều dưỡng hạng III	12	14	Lab 203	
319	319	NGUYỄN THỊ	NGA	10/01/1995	Điều dưỡng hạng III	13	14	Lab 203	
320	320	TRẦN THỊ	NGHĨA	26/6/1995	Điều dưỡng hạng III	14	14	Lab 203	
321	321	NGUYỄN THỊ	NHẤT	12/02/1991	Điều dưỡng hạng III	15	14	Lab 203	
322	322	NGUYỄN THỊ BÉ	NHI	19/5/1997	Điều dưỡng hạng III	16	14	Lab 203	
323	323	NGUYỄN TỔ	NHU	25/12/1995	Điều dưỡng hạng III	17	14	Lab 203	
324	324	TRẦN THỊ	NHUNG	11/05/1995	Điều dưỡng hạng III	18	14	Lab 203	
325	325	ĐẶNG THỊ	PHƯỢNG	22/12/1995	Điều dưỡng hạng III	19	14	Lab 203	
326	326	HỒ THỊ	PHƯỢNG	11/10/1994	Điều dưỡng hạng III	20	14	Lab 203	
327	327	TẶNG THỊ	QUANG	20/8/1997	Điều dưỡng hạng III	21	14	Lab 203	
328	328	LÊ NGỌC	QUYÊN	09/5/1996	Điều dưỡng hạng III	22	14	Lab 203	
329	329	ĐẬU THỊ	QUỖNH	02/3/1992	Điều dưỡng hạng III	23	14	Lab 203	
330	330	TRẦN THỊ	SEN	14/04/1994	Điều dưỡng hạng III	1	15	Lab 204	
331	331	HOÀNG THỊ	SƯƠNG	06/09/1997	Điều dưỡng hạng III	2	15	Lab 204	
332	332	NGUYỄN THỊ MAI	SƯƠNG	01/8/1995	Điều dưỡng hạng III	3	15	Lab 204	
333	333	ĐẬU THỊ	TÂM	19/5/1994	Điều dưỡng hạng III	4	15	Lab 204	
334	334	LỮ THỊ TÌNH	TÂM	17/3/1997	Điều dưỡng hạng III	5	15	Lab 204	
335	335	NGUYỄN THỊ HOÀI	THANH	24/06/1996	Điều dưỡng hạng III	6	15	Lab 204	
336	336	PHAN THỊ	THẢO	02/10/1995	Điều dưỡng hạng III	7	15	Lab 204	
337	337	TRẦN THỊ QUỖNH	THƠ	01/9/1994	Điều dưỡng hạng III	8	15	Lab 204	
338	338	PHAN THỊ	THƠM	06/07/1994	Điều dưỡng hạng III	9	15	Lab 204	
339	339	TRẦN THỊ	THU	15/7/1993	Điều dưỡng hạng III	10	15	Lab 204	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
340	340	VÕ THỊ HOÀI	THU	01/3/1997	Điều dưỡng hạng III	11	15	Lab 204	
341	341	HOÀNG ANH	THU	30/11/1996	Điều dưỡng hạng III	12	15	Lab 204	
342	342	NGUYỄN CÔNG	THUẬN	11/2/1996	Điều dưỡng hạng III	13	15	Lab 204	
343	343	HOÀNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	13/3/1991	Điều dưỡng hạng III	14	15	Lab 204	
344	344	UÔNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	15/10/1990	Điều dưỡng hạng III	15	15	Lab 204	
345	345	HOÀNG THỊ	TRÀ	08/04/1997	Điều dưỡng hạng III	16	15	Lab 204	
346	346	LÊ THỊ	TRÀ	21/12/1997	Điều dưỡng hạng III	17	15	Lab 204	
347	347	LÊ THỊ HƯƠNG	TRÀ	04/04/1993	Điều dưỡng hạng III	1	16	Lab 205	
348	348	NGUYỄN THỊ	TRÀ	16/7/1993	Điều dưỡng hạng III	2	16	Lab 205	
349	349	PHAN THỊ	TRÀ	07/12/1997	Điều dưỡng hạng III	3	16	Lab 205	
350	350	ĐẬU THỊ NGỌC	TRÂM	28/01/1996	Điều dưỡng hạng III	4	16	Lab 205	
351	351	PHẠM THỊ	TRÂM	08/10/1994	Điều dưỡng hạng III	5	16	Lab 205	
352	352	LÊ THỊ	TRANG	09/6/1994	Điều dưỡng hạng III	6	16	Lab 205	
353	353	NGUYỄN THỊ	TRANG	10/07/1994	Điều dưỡng hạng III	7	16	Lab 205	
354	354	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	01/7/1995	Điều dưỡng hạng III	8	16	Lab 205	
355	355	TRẦN THỊ	TRINH	27/9/1997	Điều dưỡng hạng III	9	16	Lab 205	
356	356	VÕ THỊ THANH	TÚ	10/10/1997	Điều dưỡng hạng III	10	16	Lab 205	
357	357	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	28/8/1995	Điều dưỡng hạng III	11	16	Lab 205	
358	358	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	03/12/1996	Điều dưỡng hạng III	12	16	Lab 205	
359	359	TRẦN THỊ	VI	15/7/1997	Điều dưỡng hạng III	13	16	Lab 205	
360	360	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	14/12/1997	Điều dưỡng hạng III	14	16	Lab 205	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
361	361	CHẾ THỊ	YẾN	19/01/1995	Điều dưỡng hạng III	15	16	Lab 205	
362	362	NGUYỄN THỊ	YẾN	20/9/1997	Điều dưỡng hạng III	16	16	Lab 205	
363	363	NGUYỄN THỊ	YẾN	13/10/1995	Điều dưỡng hạng III	17	16	Lab 205	
364	364	NGUYỄN VĂN	BẢO	29/04/1997	Kỹ thuật y hạng III	18	16	Lab 205	
365	365	NGUYỄN THỊ	GIANG	01/02/1995	Kỹ thuật y hạng III	19	16	Lab 205	
366	366	LƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	29/06/1997	Kỹ thuật y hạng III	20	16	Lab 205	
367	367	THÁI DUY	KIÊN	19/03/1992	Kỹ thuật y hạng III	21	16	Lab 205	
368	368	TRẦN HỮU	KIÊN	12/7/1989	Kỹ thuật y hạng III	1	17	Lab 206	
369	369	NGUYỄN TÔNG KHÁNH	LINH	11/2/1997	Kỹ thuật y hạng III	2	17	Lab 206	
370	370	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	05/06/1997	Kỹ thuật y hạng III	3	17	Lab 206	
371	371	HOÀNG VIỆT	LONG	02/7/1995	Kỹ thuật y hạng III	4	17	Lab 206	
372	372	NGUYỄN NGHĨA	LONG	10/02/1992	Kỹ thuật y hạng III	5	17	Lab 206	
373	373	HOÀNG THỊ	LÝ	10/11/1997	Kỹ thuật y hạng III	6	17	Lab 206	
374	374	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG	12/01/1997	Kỹ thuật y hạng III	7	17	Lab 206	
375	375	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	08/2/1996	Kỹ thuật y hạng III	8	17	Lab 206	
376	376	TRẦN THÚY	QUỲNH	06/2/1997	Kỹ thuật y hạng III	9	17	Lab 206	
377	377	TRƯƠNG THỊ THÚY	QUỲNH	30/10/1997	Kỹ thuật y hạng III	10	17	Lab 206	
378	378	NGUYỄN THỊ	THANH	06/8/1996	Kỹ thuật y hạng III	11	17	Lab 206	
379	379	LÊ THỊ CẨM	THẢO	26/02/1997	Kỹ thuật y hạng III	12	17	Lab 206	

STT	SBD	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	STT	Phòng Thi số	Thi tại	Ghi chú
380	380	PHAN THỊ	TRANG	15/12/1997	Kỹ thuật y hạng III	13	17	Lab 206	
381	381	TRẦN THỊ HẢI	YÊN	26/9/1997	Kỹ thuật y hạng III	14	17	Lab 206	
382	382	CAO TUẤN	ANH	05/8/1993	Viên chức dinh dưỡng hạng III	15	17	Lab 206	1
383	383	LÊ TUẤN	ANH	30/8/1996	Dược sĩ hạng III	16	17	Lab 206	2
384	384	LÊ THỊ HƯƠNG	GIANG	25/7/1993	Dược sĩ hạng III	17	17	Lab 206	3
385	385	DƯƠNG ĐÌNH	QUÝ	30/10/1994	Dược sĩ hạng III	18	17	Lab 206	4
386	386	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/5/1995	Dược sĩ hạng III	19	17	Lab 206	5
387	387	TẶNG THỊ	THÚY	22/7/1996	Dược sĩ hạng III	20	17	Lab 206	6
388	388	NGUYỄN BẢO	TRUNG	13/9/1993	Dược sĩ hạng III	21	17	Lab 206	7

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



PGS.TS. Nguyễn Văn Hương





Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2020

THỜI GIAN BIỂU TỪNG BUỔI THI
KỲ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN

THỜI GIAN	NHIỆM VỤ
Thứ ba, ngày 24/03/2020	Môn 1: Thi trắc nghiệm môn Kiến thức chung (Thí sinh làm bài trên máy tính)
6h30 - 6h50	Họp cán bộ coi thi (CBCT) và phổ biến quy chế thi tuyển tại điểm thi.
6h50-7h00	- Nhận giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Đánh số báo danh vào bàn của thí sinh; - Hướng dẫn thí sinh gửi đồ ở nơi quy định.
7h00-7h10	Gọi thí sinh vào phòng thi và Kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh
7h10-7h40	- Tập huấn cho thí sinh về nội quy, quy chế thi; - Cho thí sinh đánh chính sai sót;
7h40-7h50	- CBCT 1 cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng phiếu tài khoản, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy nháp và phát cho thí sinh.
7h50-7h55	Bóc túi đựng phiếu tài khoản đăng nhập
7h55-8h00	- Phát phiếu tài khoản đăng nhập cho thí sinh. - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng phiếu tài khoản và đăng nhập vào hệ thống thi và yêu cầu thí sinh kiểm tra thông tin cá nhân trên hệ thống thi.
8h00	Thời gian bắt đầu làm bài: Từ 8h00 – 9h00 (60 phút)
9h00	- Hết giờ làm bài. - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi, phiếu xác nhận điểm (ghi rõ mã đề thi đối với các môn thi trắc nghiệm nếu có); - Bàn giao túi tài liệu cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
	Môn 2: Thi trắc nghiệm môn tiếng Anh (Thí sinh làm bài trên máy tính)
9h30 - 9h45	Họp cán bộ coi thi (CBCT) và phổ biến quy chế thi tuyển tại điểm thi.
9h45- 9h55	- Nhận giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Đánh số báo danh vào bàn của thí sinh; - Hướng dẫn thí sinh gửi đồ ở nơi quy định.
9h55 - 10h05	Gọi thí sinh vào phòng thi và Kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh
10h05 - 10h15	- CBCT1 nhắc nhở thí sinh về nội quy phòng thi và đánh chính sai sót thông tin của thí sinh; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy nháp và phát cho thí sinh;
10h15 - 10h20	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng phiếu tài khoản, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
10h20 – 10h25	Bóc túi đựng phiếu tài khoản đăng nhập
10h25 – 10h30	- Phát phiếu tài khoản đăng nhập cho thí sinh. - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng phiếu tài khoản và đăng nhập vào hệ thống thi và yêu cầu thí sinh kiểm tra thông tin cá nhân trên hệ thống thi.

10h30	Thời gian bắt đầu làm bài: 10h30 – 11h00 (30 phút)
11h00	- Hết giờ làm bài. - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi, phiếu xác nhận điểm (ghi rõ mã đề thi đối với các môn thi trắc nghiệm nếu có); - Bàn giao túi tài liệu cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
Ngày 28/03/2020	Môn 3: Thi môn Kiến thức chuyên ngành (<i>Thí sinh làm bài trên giấy thi</i>)
7h00 - 7h25	Họp cán bộ coi thi (CBCT) tại điểm thi, bốc thăm CBCT về phòng thi.
7h25 - 7h45	- Nhận giấy thi, giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Đánh số báo danh vào bản của thí sinh; - Gọi thí sinh vào phòng thi; đối chiếu, kiểm tra ảnh, thẻ dự thi.
7h45 - 7h50	- CBCT1 nhận đề thi tại BCĐ điểm thi; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy thi, giấy nháp; - Phát và hướng dẫn thí sinh điền vào các mục trên giấy thi, giấy nháp.
7h50 - 7h55	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng đề thi, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
7h55 – 8h00	- Bóc túi đựng đề thi và phát đề thi cho thí sinh; - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng đề thi.
8h00	Bắt đầu tính giờ làm bài: Từ 8h00 - 11h00 (180')
8h15	Nộp đề thi thừa đã được niêm phong cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
10h45	CBCT nhắc thí sinh còn 15 phút làm bài
11h00	- Hết giờ làm bài thi. CBCT thu bài thi của thí sinh; - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi (ghi rõ số tờ giấy thi); - Bàn giao bài thi cho người được Trưởng Ban coi thi phân công.
11h00 – 11h30	Họp tổng kết kỳ thi tại BCĐ điểm thi

BỆNH VIỆN HNĐK NGHỆ AN
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN
VIÊN CHỨC
Số 156 /TB-HĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO
Lịch thi và lễ khai mạc kỳ tuyển viên chức đợt 01/2020
của Bệnh viện HNĐK Nghệ An

Để giúp các thí sinh nắm rõ được thời gian thi tuyển, Hội đồng thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện thông báo tới các thí sinh cụ thể như sau:

Thời gian		Khai mạc, Môn thi
Ngày 24/3/2020	Sáng	- Khai mạc kỳ thi
		- Môn 1: Thi trắc nghiệm Kiến thức chung
		- Môn 2: Thi trắc nghiệm Ngoại ngữ
Ngày 28/3/2020	Sáng	Thi môn Kiến thức chuyên ngành

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở y tế (để B/c);
- Sở Nội vụ (để B/c);
- HĐTD BV;
- Lưu: VT, TCCB

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



PGS.TS. Nguyễn Văn Hương

Số 17 /TB-HĐ

Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO
VẬT DỤNG THÍ SINH ĐƯỢC VÀ KHÔNG ĐƯỢC MANG VÀO
KHU VỰC THI, PHÒNG THI

Kính gửi: Các ứng viên dự tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An

Để đảm bảo cho kỳ thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An được diễn ra nghiêm túc, đúng quy định, Hội đồng thi tuyển thông báo tới các thí sinh dự tuyển một số nội dung cụ thể như sau:

1. Được mang vào phòng thi, khu vực thi:

- Bút viết, thước kẻ
- Danh sách các máy tính cầm tay được đem vào phòng thi
 - + **Casio** FX 95, FX 220, FX 500 A, FX 500 MS, FX 500 ES, FX 500 VN Plus, FX 570 MS, FX 570 ES, FX 570 ES Plus và FX 570 VN plus;
 - + **VinaCal** 500 MS, 570 MS và 570 ES Plus và 570 ES plus II;
 - + **Vietnam Calculator** VN-500 RS, VN 500 ES, VN 500 ES plus function, VN 570 RS, VN 570 ES và VN-570 ES PLUS;
 - + **Sharp** EL 124A, EL 250S, EL 506W, EL 509WM;
 - + **Canon** FC 45S, LS153TS, F710, F720;

2. Không được mang vào phòng thi, khu vực thi:

- Điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).
- Vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, bia, rượu, giấy than, bút xóa, tài liệu, thiết bị truyền tin hoặc chứa thông tin có thể lợi dụng để gian lận trong quá trình làm bài thi và quá trình chấm thi

Khi vào phòng thi, nếu phát hiện thí sinh còn mang theo tài liệu, vật dụng trái phép, dù sử dụng hay chưa sử dụng đều bị kỷ luật thi.

Chủ tịch Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện HNĐK Nghệ An đề nghị tất cả thí sinh dự tuyển thực hiện nghiêm túc các nội dung trong Thông báo./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở y tế (để B/c);
- Sở Nội vụ (để B/c);
- HĐTD BV;
- Lưu: VT, TCCB

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN

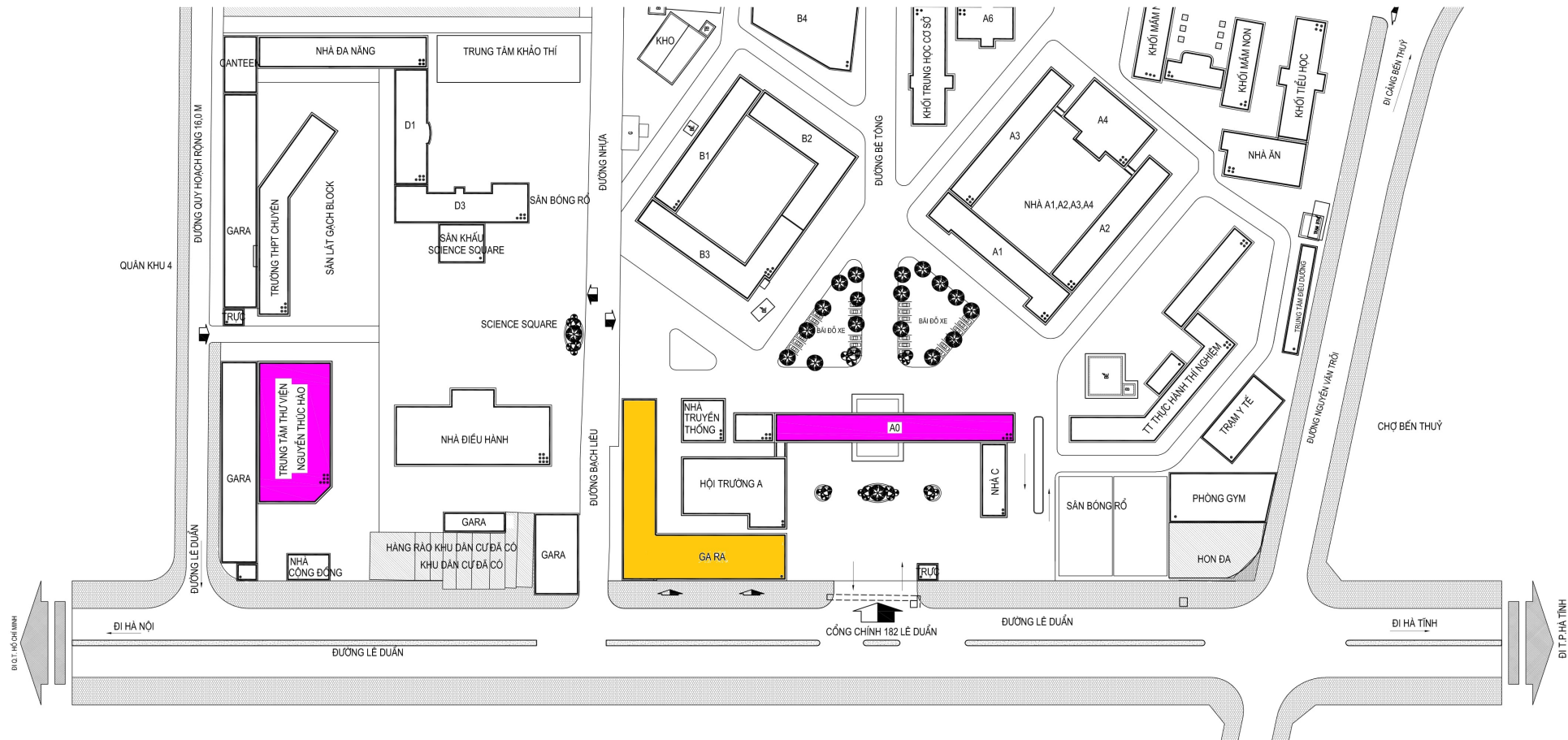


PGS.TS. Nguyễn Văn Hương



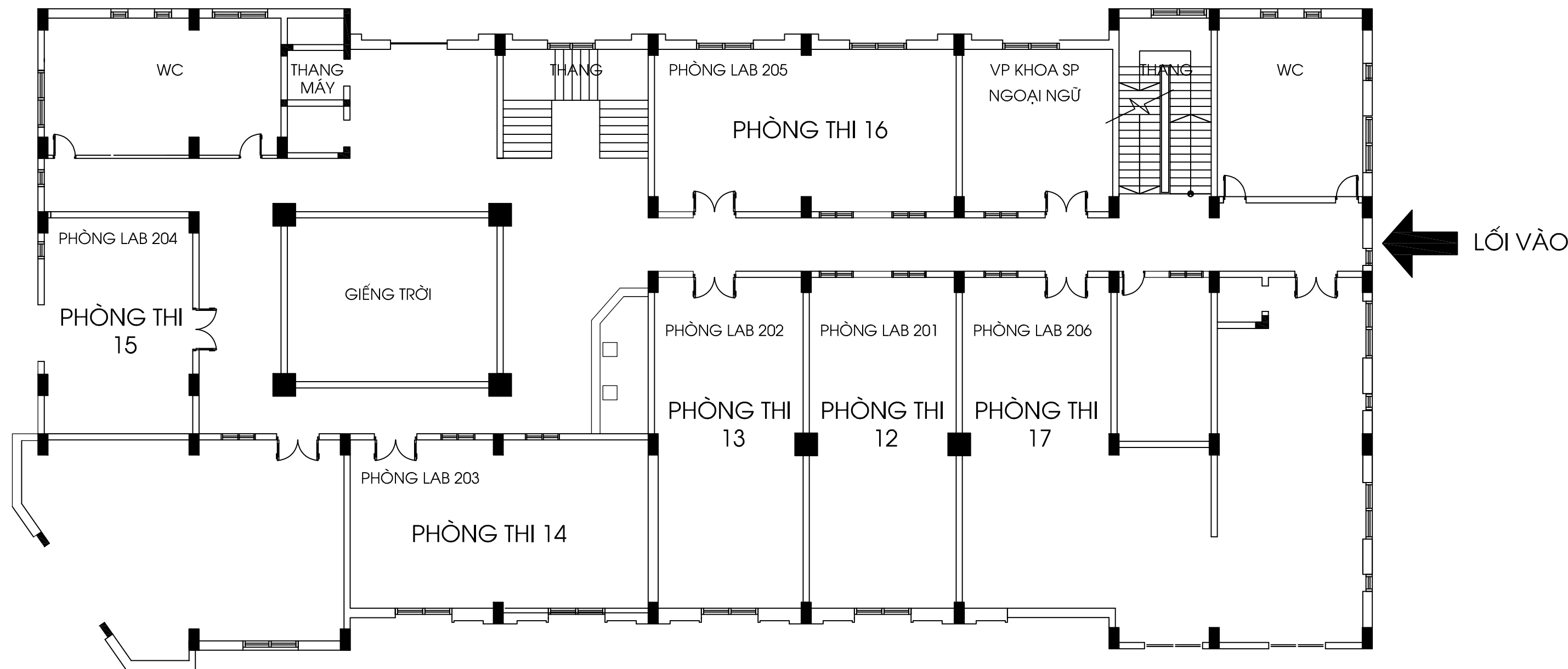
DANH SÁCH PHÒNG THI
NGÀY THI 24/03/2020

STT	Phòng	Số lượng	Nhà	Môn thi 1	Môn Thi 2
1	A0 401	18	Tầng 4,5 nhà A0	Kiến thức chung	Tiếng Anh (A1)
2	A0 402	18			
3	A0 406	27			
4	A0 407	27			
5	A0 501	18			
6	A0 502	26			
7	A0 503	26			
8	A0 505	25			
9	A0 506	25			
10	A0 507	25			
11	A0 508	25			
12	Lab 201	23	Tầng 2 nhà Thư Viện		Tiếng Anh (A2)
13	Lab 202	23			
14	Lab 203	23			
15	Lab 204	17			
16	Lab 205	21			
17	Lab 206	21			
	Tổng cộng	388			



SƠ ĐỒ PHÒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN HNĐK NGHỆ AN

SƠ ĐỒ ĐIỂM THI: TẦNG 2 TT THƯ VIỆN NGUYỄN THỨC HÀO



SƠ ĐỒ PHÒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN HNĐK NGHỆ AN
CỤM NHÀ A0 (TẦNG 4, TẦNG 5)
Từ phòng thi số 1 đến phòng thi số 11

TÒA NHÀ Ao																					
T5	WC	Ao501 Phòng thi 05			Ao502 Phòng thi 06			Ao503 Phòng thi 07			Phòng Kỹ Thuật	Ao 505 Phòng thi 08		A0506 Phòng thi 09		Ao507 Phòng thi 10		Ao508 Phòng thi 11		WC	
T4	WC	Ao401 Phòng thi 01			Ao402 Phòng thi 02			Ao403		Ao404 BCĐ-Y Tế		Ao405 Phòng thi 03		Ao 406 Phòng thi 04		Ao407		Ao408		WC	
T3	WC	TT ĐBCL			TT ĐBCL			TT ĐBCL		TT ĐBCL		Trung tâm mạng		Khoa giáo dục		Khoa giáo dục		Viện KH XH NV		WC	
T2	WC	Viện SP XH			Viện SP XH			Viện HS MT		Viện HS MT		Viện SP TT		Viện SP TN		Viện SP TN		Viện SP TN		WC	
T1	WC	Sảnh	Khoa xây dựng			Viện KTCN			Sảnh		TK NN	Khoa Ngoại Ngữ		TT HTSV-QHDN		Sảnh	VP Đoàn TN		WC		
Cầu thang										Cầu thang										Cầu thang	

Số: 378 /QĐ-BV

Tp. Vinh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Nội quy kỳ thi tuyển viên chức
Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An đợt 01/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN

- Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức;

- Căn cứ Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Bệnh viện HNĐK Nghệ An giai đoạn 2017-2019; Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Bệnh viện HNĐK Nghệ An giai đoạn 2017-2019 ;

- Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 15/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn về tuyển dụng, ký hợp đồng lao động làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

- Căn cứ Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-BV ngày 05/11/2019 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, tiếp nhận viên chức và hợp đồng lao động năm 2019 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An;

- Căn cứ Kế hoạch số 1930/KHBV ngày 16/12/2019 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An về việc ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức;

- Căn cứ đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện,



QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Nội quy kỳ thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An đợt 01/2020”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An; Các Ban giúp việc Hội đồng thi; các thí sinh tham dự kỳ thi tuyển dụng, viên chức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở y tế (để B/c);
- Sở Nội vụ (để B/c);
- Lưu: VT, TCCB.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



PGS.TS Nguyễn Văn Hương



Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2020

NỘI QUY

KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN ĐỢT 01/2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 378 /QĐ-BV ngày 20/3/2020 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An)

Điều 1. Quy định đối với thí sinh

1. Phải có mặt trước phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, thể hiện văn minh, lịch sự.
2. Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng thi.
3. Ngồi đúng chỗ theo số báo danh, để Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân lên mặt bàn để các giám thị phòng thi và các thành viên Hội đồng thi kiểm tra.
4. Chỉ được mang vào phòng thi bút viết, thước kẻ; không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).
5. Chỉ sử dụng loại giấy thi được phát để làm bài thi, không được làm bài thi trên giấy khác. Phải ghi đầy đủ các mục quy định trong giấy làm bài thi. Mỗi tờ giấy thi phải có đủ chữ ký của 02 giám thị, bài thi không có đủ chữ ký của 02 giám thị được xem là không hợp lệ.
6. Bài thi chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì để làm bài thi.
7. Trừ phần ghi bắt buộc trên trang phách, thí sinh không được ghi họ tên, chữ ký của thí sinh, chức danh, tên cơ quan, hoặc các dấu hiệu khác lên bài thi.
8. Tuân thủ mọi hướng dẫn của giám thị; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong phòng thi.
9. Không được trao đổi với người khác trong thời gian thi, không được trao đổi giấy thi, giấy nháp, không được quay cốp bài thi của thí sinh khác hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi.
10. Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai giám thị phòng thi.
11. Trường hợp cần viết lại thì gạch chéo hoặc gạch ngang phần đã viết trong bài thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).



12. Chỉ được ra ngoài phòng thi sau hơn 2/3 thời gian làm bài và phải được sự đồng ý của giám thị phòng thi. Không giải quyết cho thí sinh ra ngoài phòng thi đối với môn thi có thời gian dưới 60 phút.

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thí sinh chỉ được rời phòng thi khi đã nộp bài, đồng thời ký xác nhận vào bảng kết quả thi; nếu người dự thi không ký xác nhận vào bảng kết quả thi trước khi ra khỏi phòng thi thì phải nhận điểm không (0).

Trường hợp giám thị phát hiện người dự thi ký thay người khác thì cả người ký thay và người được ký thay đều phải nhận điểm không (0).

Việc quyết định điểm không (0) đối với các trường hợp này do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định căn cứ báo cáo của Trường ban coi thi.

13. Trong thời gian không được ra ngoài phòng thi theo quy định tại khoản 12 Điều này, nếu thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cho giám thị phòng thi và giám thị phòng thi phải báo ngay cho Trường ban coi thi xem xét, giải quyết.

14. Ngừng làm bài và nộp bài cho giám thị phòng thi ngay khi giám thị tuyên bố hết thời gian làm bài thi. Phải ghi rõ tổng số tờ giấy thi đã nộp và ký vào danh sách nộp bài thi. Trường hợp không làm được bài, thí sinh cũng phải nộp lại giấy thi.

15. Nghiêm cấm các hành vi làm hỏng hệ thống máy vi tính phục vụ thi; khi phát hiện máy vi tính không sử dụng được phải kịp thời báo cho giám thị để xem xét, giải quyết.

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

1. Thí sinh vi phạm nội quy thi đều phải lập biên bản xử lý vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

a) Khiển trách: Hình thức kỷ luật khiển trách do giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

Cố ý ngồi không đúng chỗ ghi số báo danh của mình;

Trao đổi với người khác đã bị nhắc nhở nhưng vẫn không chấp hành;

Mang tài liệu vào phòng thi nhưng chưa sử dụng (trừ trường hợp đề thi có quy định được mang tài liệu vào phòng thi).

b) Cảnh cáo: Hình thức kỷ luật cảnh cáo do giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

Sử dụng tài liệu trong phòng thi (trừ trường hợp đề thi có quy định được sử dụng tài liệu trong phòng thi);

Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với người khác;

Cho người khác chép bài hoặc chép bài của người khác;

Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng thông tin khác trong phòng thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

c) Đình chỉ thi: Hình thức kỷ luật đình chỉ thi do Trưởng ban coi thi quyết định, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm đã bị lập biên bản cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy thi.

d) Hủy kết quả thi: Căn cứ vào báo cáo của Chủ tịch Hội đồng thi hoặc xét, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng viên chức quyết định hủy bỏ kết quả thi đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

Có từ hai bài hoặc hai phần thi trở lên bị điểm không (0) hoặc đạt 0% số câu trả lời đúng (trừ trường hợp bỏ thi);

Viết, vẽ vào tờ giấy thi những nội dung không liên quan đến bài thi;

Đánh tráo bài thi hoặc thi hộ hoặc bị đình chỉ thi.

đ) Thí sinh cố ý gây mất an toàn trong phòng thi, ngoài việc bị đình chỉ và hủy kết quả thi, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

2. Thí sinh vi phạm nội quy phải bị lập biên bản, giám thị phòng thi và thí sinh cùng phải ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi, giám thị phòng thi phải báo cáo ngay với Trưởng ban coi thi. Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì giám thị phòng thi mời 02 thí sinh bên cạnh cùng ký xác nhận.

3. Thí sinh có quyền tố giác những người vi phạm nội quy thi cho Giám thị phòng thi, Trưởng ban coi thi, thành viên Hội đồng thi, thành viên Ban giám sát thi.

4. Trừ điểm bài thi:

a) Thí sinh bị khiển trách trong phần thi nào hoặc bài thi nào sẽ bị trừ 25% tổng số câu trả lời đúng của phần thi đó hoặc 25% tổng số điểm của bài thi đó;

b) Thí sinh bị cảnh cáo phần thi nào hoặc bài thi nào sẽ bị trừ 50% tổng số câu trả lời đúng của phần thi đó hoặc 50% tổng số điểm của bài thi đó.

5. Chấm điểm không (0) đối với một trong những trường hợp sau:

a) Có hai bài làm trở lên đối với một môn thi hoặc một phần thi;

b) Bài thi có chữ viết của hai người trở lên;

c) Bài thi được viết bằng hai màu mực khác nhau hoặc viết bằng màu mực không đúng quy định tại khoản 6 Điều 1 Nội quy này;

d) Bài thi viết trên giấy nháp, giấy không do giám thị phòng thi phát.

6. Việc trừ điểm bài thi quy định khoản 4 Điều này hoặc chấm điểm không (0) quy định tại khoản 5 Điều này do Trưởng ban chấm thi quyết định căn cứ vào báo cáo bằng văn bản của thành viên chấm thi.



Điều 3. Quy định đối với giám thị phòng thi, giám thị hành lang

1. Phải có mặt tại địa điểm thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.
2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy chế, nội quy của kỳ thi.
3. Giữ trật tự, không được hút thuốc, không được sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong phòng thi.
4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian thi.

Điều 4. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, viên chức tham gia tổ chức thi và cá nhân liên quan khác vi phạm nội quy, quy chế thi

1. Người tham gia tổ chức thi (thành viên Hội đồng thi, thành viên các Ban giúp việc của Hội đồng thi, thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng thi nếu được thành lập) là cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm nội quy, quy chế thi ngoài việc bị đình chỉ làm công tác thi còn bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.
2. Cán bộ, viên chức không tham gia tổ chức thi nhưng có các hành vi, như: thi hộ, chuyển đề thi ra ngoài, đưa lời giải vào cho thí sinh, đưa thông tin sai lệch gây ảnh hưởng xấu đến kỳ thi, gây rối làm mất trật tự tại khu vực thi bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, viên chức.
3. Người tham gia tổ chức thi và những người có liên quan đến việc tổ chức thi không phải là cán bộ, viên chức nếu có hành vi vi phạm nội quy, quy chế thi, tùy theo tính chất, mức độ bị cơ quan, đơn vị hiện đang quản lý chấm dứt hợp đồng đã ký kết.
4. Người tham gia tổ chức thi và những người có liên quan đến việc tổ chức thi vi phạm nội quy, quy chế thi thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý không để đảm nhiệm những công việc có liên quan đến công tác tổ chức thi từ 01 năm đến 03 năm kể từ năm tổ chức thi có hành vi vi phạm./.

Điều 17. Trách nhiệm của người dự thi

1. Người dự thi có mặt tại phòng thi trước thời gian thi theo quy định để làm thủ tục dự thi.
2. Không được mang vào phòng thi các loại tài liệu, điện thoại, máy ảnh, phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, các thiết bị ghi âm, ghi hình, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin. Người dự thi mang theo các loại tài liệu hoặc các thiết bị trên vào phòng thi, sử dụng hay chưa sử dụng đều bị coi là vi phạm nội quy, quy chế và phải bị xử lý theo quy định.
3. Khi vào phòng thi, người dự thi xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để giám thị kiểm tra; ký xác nhận vào danh sách dự thi; nếu phát hiện sai sót hoặc nhầm lẫn về họ, tên, năm sinh hoặc các thông tin khác liên quan thì phải báo ngay cho giám thị để điều chỉnh.
4. Trong phòng thi, người dự thi phải tuân thủ các quy định sau đây:
 - a) Tuân thủ mọi sự hướng dẫn của giám thị; giữ trật tự trong phòng thi; không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích khác trong phòng thi;

b) Khi phát hiện máy vi tính không sử dụng được phải kịp thời báo cho giám thị để xem xét giải quyết. Nghiêm cấm các hành vi làm hỏng hệ thống máy vi tính phục vụ thi;

c) Người dự thi có thắc mắc cần hỏi giám thị phải hỏi công khai; trường hợp ốm đau bất thường phải báo cáo giám thị để giải quyết. Chỉ được đi lại trong phòng thi hoặc ra ngoài phòng thi khi được sự đồng ý của giám thị;

d) Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào.

5. Người dự thi chỉ được rời khỏi phòng thi khi đã nộp bài, đồng thời ký xác nhận vào bảng kết quả thi. Nếu người dự thi không ký xác nhận vào bảng kết quả thi thì phải nhận điểm không (0). Trường hợp giám thị coi thi phát hiện người dự thi ký thay cho người dự thi khác thì cả người ký thay và người được ký thay đều phải nhận điểm không (0).

Điều 18. Quyền của người dự thi

1. Trường hợp người dự thi gặp sự cố về máy trạm trong quá trình thi thì báo ngay cho giám thị coi thi biết để lập biên bản xác nhận sự cố và được làm lại bài thi trong buổi thi đó.

2. Có quyền tố giác những người vi phạm nội quy, quy chế thi cho giám thị phòng thi, Trưởng ban coi thi hoặc thành viên Hội đồng thi.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TUYỂN



PGS.TS. Nguyễn Văn Hương



Số: 377/QĐ-BV

Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v Tổ chức kỳ thi tuyển viên chức

Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An đợt 01/2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN

- Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức;

- Căn cứ Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Bệnh viện HNĐK Nghệ An giai đoạn 2017-2019; Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Bệnh viện HNĐK Nghệ An giai đoạn 2017-2019 ;

- Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 15/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn về tuyển dụng, ký hợp đồng lao động làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

- Căn cứ Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ nội vụ về việc bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-BV ngày 05/11/2019 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, tiếp nhận viên chức và hợp đồng lao động năm 2019 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An;

- Căn cứ Kế hoạch số 1930/KHBV ngày 16/12/2019 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An về việc ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức;

- Căn cứ đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện,



QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tổ chức kỳ thi tuyển dụng viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An, đợt 01/2020, cụ thể như sau:

1. Khai mạc kỳ thi: 07 giờ, thứ 3, ngày 24/3/2020 tại Hội trường A, trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An.

2. Thi vòng 1:

- Thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 1: 07h30, sáng thứ 3, ngày 24/3/2020, tại nhà A0, Thư viện trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An.

- Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính

3. Thi vòng 2:

- Thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 2: 7h30, sáng thứ 7, ngày 28/3/2020, tại nhà A, trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An

- Hình thức thi: Thi viết

4. Thành phần:

- Hội đồng thi tuyển, Ban giúp việc kỳ thi tuyển viên chức Bệnh viện HNĐK Nghệ An đợt 01/2020;

- Thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi tuyển

- Viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An theo sự điều động và phân công của Hội đồng thi tuyển.

Điều 2. Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An đợt 01 năm 2020 Trường, các Ban giúp việc của Hội đồng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức kỳ thi theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội đồng thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An đợt 01/2020; Các Ban giúp việc Hội đồng thi; các thí sinh tham dự kỳ thi tuyển dụng, viên chức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Y tế (để B/c);
- Sở Nội vụ (để B/c);
- HĐTD BV;
- Lưu: VT, TCCB.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



PGS.TS Nguyễn Văn Hương

Số: 383 /KH-BV

Vinh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH

TRIỂN KHAI PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID19 PHỤC VỤ CÔNG TÁC THI TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỢT 01/2020 CỦA BỆNH VIỆN HNĐK NGHỆ AN

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-BYT ngày 16/01/2020 của Bộ trưởng Bộ y tế về việc hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh viêm phổi cấp do chủng virus Corona mới (nCoV);

Căn cứ Công văn số 436/UBND-VX ngày 24/01/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phòng, chống dịch viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV) gây ra;

Căn cứ Công văn số 170/SYT-NVY ngày 24/01/2020 của Sở Y tế Nghệ An về việc phòng, chống dịch viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV) gây ra;

Căn cứ Thông báo số 51/TB-BV ngày 27/01/2020 của Giám đốc Bệnh viện HNĐK Nghệ An về việc xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống dịch viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV) gây ra;

Căn cứ Thông báo số 118/TB-BV ngày 05/3/2020 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An về Thời gian, địa điểm gặp mặt, thi tuyển viên chức Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An đợt 01/2020;

Xét thực trạng diễn biến của dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid 19) trên địa bàn tỉnh Nghệ An; để đảm bảo an toàn cho công tác tổ chức thi tuyển viên chức đợt 01/2020, Bệnh viện HNĐK Nghệ An xây dựng Kế hoạch triển khai phòng, chống dịch Covid 19 phục vụ công tác thi tuyển. Cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1.1 Mục đích

- Nâng cao nhận thức và kỹ năng dự phòng sự xâm nhập và lây lan của dịch bệnh Covid 19.

- Kịp thời phát hiện các trường hợp nghi ngờ nhiễm Covid 19, các trường hợp nếu trong diện phải cách ly để báo cáo các cấp có thẩm quyền xử trí, tránh dịch lây lan.

- Đảm bảo sự an toàn cho thí sinh, cán bộ tham gia kỳ thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An.

1.2 Yêu cầu

- Đảm bảo 100% các thí sinh và cán bộ tham gia công tác tổ chức thi tuyển thực hiện đúng nội dung của kế hoạch.

II. Nội dung kế hoạch

2.1 Công tác tổ chức, chỉ đạo

- Hội đồng tuyển dụng Bệnh viện HNĐK Nghệ An, trường Đại học Vinh, tiểu ban phòng, chống dịch Covid 19 phục vụ công tác thi tuyển sẵn sàng tham gia công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ chuyên môn khi được điều động.

2.2 Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe

- Triển khai, hướng dẫn đầy đủ về các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn của Trung ương, Sở Y tế, Bệnh viện HNĐK Nghệ An về phòng chống dịch Covid 19.

- Thông tin truyền thông bằng nhiều hình thức như khuyến cáo phòng chống dịch Covid 19, hướng dẫn đeo khẩu trang đúng qui cách, hướng dẫn vệ sinh dung dịch sát khuẩn, hướng dẫn rửa tay thường quy....

2.3 Vệ sinh môi trường và chống nhiễm khuẩn

- Thực hiện hoạt động khử trùng môi trường, khử khuẩn không khí tại địa điểm thi tuyển viên chức.

- Hướng dẫn sử dụng dung dịch sát khuẩn và đeo khẩu trang đúng qui cách cho cán bộ, thí sinh tham gia thi tuyển viên chức.

2.4 Dự phòng, chống dịch bệnh

- Thí sinh và cán bộ tham gia tổ chức thi tuyển phải tự kiểm tra thân nhiệt trước khi đến thi tuyển viên chức đợt 01/2020 (đảm bảo chỉ đến khi sức khỏe bình thường).

- Thí sinh và cán bộ tham gia tổ chức thi tuyển phải đeo khẩu trang trong quá trình thi tuyển.

- Khử khuẩn bàn tay trước khi tham gia thi tuyển và sau khi kết thúc thi tuyển.

- Khai báo y tế theo mẫu quy định.

- Trong quá trình tham gia thi tuyển, nếu có các triệu chứng bất thường về sức khỏe như sốt, ho, đau họng...phải báo ngay cho tiểu ban phòng, chống dịch Covid 19 để có biện pháp xử trí phù hợp.

2.5 Báo cáo tình hình phòng, chống dịch

- Tiểu ban phòng, chống dịch Covid 19 cập nhật kịp thời thông tin, diễn biến sức khỏe của thí sinh và cán bộ tham gia kỳ thi tuyển.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid 19 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An.

III. Tổ chức thực hiện

3.1 Bệnh viện HNĐK Nghệ An

- Phòng Tổ chức cán bộ điều động nhân lực trong Bệnh viện tham gia tiểu ban phòng, chống dịch bệnh Covid 19 phục vụ công tác thi tuyển.

- Tiểu ban phòng, chống dịch Covid 19 phục vụ công tác thi tuyển dự trữ đầy đủ cơ sở thuốc, vật tư, phương tiện. Phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid 19 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An, Trung tâm Bệnh nhiệt đới Bệnh viện để công tác phòng, chống dịch Covid 19 đạt hiệu quả cao nhất.

- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn thực hiện hoạt động khử trùng môi trường, khử khuẩn không khí tại địa điểm thi tuyển viên chức, cung cấp đầy đủ khẩu trang, dung dịch sát khuẩn tay nhanh.

- Khoa Dược đảm bảo cơ sở thuốc, hóa chất phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid 19 trong kỳ thi tuyển.

- Phòng Hành chính quản trị đảm bảo phương tiện, xe cấp cứu trong suốt thời gian diễn ra thi tuyển.

- Đoàn Thanh niên: cử 15 Đoàn viên hướng dẫn đeo khẩu trang đúng qui cách và vệ sinh dung dịch sát khuẩn.

- Phòng Tài chính kế toán lập dự toán, đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch Covid 19 trong kỳ thi tuyển.

3.2 Trường Đại học Vinh

- Phối hợp với Bệnh viện HNĐK Nghệ An trong công tác tuyên truyền phòng, chống dịch Covid 19 và khử khuẩn địa điểm thi tuyển viên chức.

3.3 Cán bộ và thí sinh tham gia thi tuyển viên chức

- Thực hiện đầy đủ các hướng dẫn của tiểu ban phòng, chống dịch Covid 19 để kỳ thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An diễn ra an toàn.



Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh Covid 19, chuẩn bị cho công tác thi tuyển viên chức đợt 01/2020 của Bệnh viện HNĐK Nghệ An. Các Đơn vị và cá nhân có liên quan phối hợp để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐTD;
- Sở Y tế (để B/c);
- Sở Nội vụ (để B/c);
- Trường Đại học Vinh;
- Lưu: VT, TCCB.



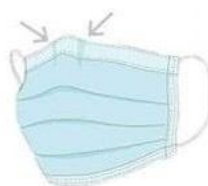
PGS.TS. Nguyễn Văn Hương

Đeo khẩu trang y tế đúng cách để phòng virus nCoV

Chỉ sử dụng 1 lần rồi vứt vào thùng rác an toàn, có nắp đậy.



Khi đeo khẩu trang phải để mặt xanh ra ngoài do mặt màu xanh có tính chống nước.



Mặt màu trắng có tính hút ẩm, nên quay vào trong, để hơi thở thoát ra thấm vào khẩu trang.

Khẩu trang phải che kín cả mũi lẫn miệng.



Khi mang khẩu trang tuyệt đối không sờ tay vào, vì động tác sờ tay sẽ vô tình làm cho bàn tay lây nhiễm vi rút và các tác nhân gây bệnh khác, sau đó truyền bệnh lại cho chính mình và những người xung quanh.



Tuyệt đối không dùng tay cầm vào khẩu trang để tháo ra, thói quen lấy tay vo khẩu trang lại sẽ gây lây nhiễm vi rút và các tác nhân gây bệnh khác cho bàn tay.



Khi tháo khẩu trang chỉ được cầm vào dây đeo qua tai, tháo ra cho vào thùng rác an toàn.



Rửa tay ngay sau khi tháo bỏ khẩu trang.



QUY TRÌNH RỬA TAY THƯỜNG QUY



B1 Làm ướt bàn tay bằng nước, lấy xà phòng và chà hai lòng bàn tay vào nhau.



B2 Chà lòng bàn tay này lên mu và kẻ ngoài các ngón tay của bàn tay kia và ngược lại



B3 Chà hai lòng bàn tay vào nhau, miết mạnh các kẽ trong ngón tay



B4 Chà mặt ngoài các ngón tay của bàn tay này vào lòng bàn tay kia.



B5 Dùng bàn tay này xoay ngón cái của bàn tay kia và ngược lại



B6 Xoay các đầu ngón tay này vào lòng bàn tay kia và ngược lại. Rửa sạch tay dưới vòi nước đến cổ tay và làm khô tay.

Mỗi bước chà 5 lần
Tổng thời gian tối thiểu **30 GIÂY**

LƯU Ý VỀ KẾ HOẠCH THI, QUY CHẾ THI, NỘI QUY THI

I. Kế hoạch thi

THỜI GIAN	NHIỆM VỤ
Thứ ba, ngày 24/03/2020	Môn 1: Thi trắc nghiệm môn Kiến thức chung (Thí sinh làm bài trên máy tính)
6h30 - 6h50	Họp cán bộ coi thi (CBCT) và phổ biến quy chế thi tuyển tại điểm thi.
6h50-7h00	- Nhận giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Đánh số báo danh vào bàn của thí sinh; - Hướng dẫn thí sinh gửi đồ ở nơi quy định.
7h00-7h10	Gọi thí sinh vào phòng thi và Kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh
7h10-7h40	- Tập huấn cho thí sinh về nội quy, quy chế thi; - Cho thí sinh đính chính sai sót;
7h40-7h50	- CBCT 1 cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng phiếu tài khoản, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy nháp và phát cho thí sinh.
7h50-7h55	Bóc túi đựng phiếu tài khoản đăng nhập
7h55-8h00	- Phát phiếu tài khoản đăng nhập cho thí sinh. - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng phiếu tài khoản và đăng nhập vào hệ thống thi và yêu cầu thí sinh kiểm tra thông tin cá nhân trên hệ thống thi.
8h00	Thời gian bắt đầu làm bài: Từ 8h00 – 9h00 (60 phút)
9h00	- Hết giờ làm bài. - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi, phiếu xác nhận điểm (ghi rõ mã đề thi đối với các môn thi trắc nghiệm nếu có); - Bàn giao túi tài liệu cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
	Môn 2: Thi trắc nghiệm môn tiếng Anh (Thí sinh làm bài trên máy tính)

I. Kế hoạch thi

	Môn 2: Thi trắc nghiệm môn tiếng Anh (Thí sinh làm bài trên máy tính)
9h30 - 9h45	Họp cán bộ coi thi (CBCT) và phổ biến quy chế thi tuyển tại điểm thi.
9h45- 9h55	- Nhận giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Đánh số báo danh vào bàn của thí sinh; - Hướng dẫn thí sinh gửi đồ ở nơi quy định.
9h55 - 10h05	Gọi thí sinh vào phòng thi và Kiểm tra giấy tờ tùy thân có ảnh
10h05 - 10h15	- CBCT1 nhắc nhở thí sinh về nội quy phòng thi và đính chính sai sót thông tin của thí sinh; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy nháp và phát cho thí sinh;
10h15 - 10h20	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng phiếu tài khoản, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
10h20 – 10h25	Bóc túi đựng phiếu tài khoản đăng nhập
10h25 – 10h30	- Phát phiếu tài khoản đăng nhập cho thí sinh. - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng phiếu tài khoản và đăng nhập vào hệ thống thi và yêu cầu thí sinh kiểm tra thông tin cá nhân trên hệ thống thi.
10h30	Thời gian bắt đầu làm bài: 10h30 – 11h00 (30 phút)
11h00	- Hết giờ làm bài. - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi, phiếu xác nhận điểm (ghi rõ mã đề thi đối với các môn thi trắc nghiệm nếu có); - Bàn giao túi tài liệu cho người được Trưởng ban coi thi phân công.

I. Kế hoạch thi

Ngày 28/03/2020	Môn 3: Thi môn Kiến thức chuyên ngành (Thí sinh làm bài trên giấy thi)
7h00 - 7h25	Họp cán bộ coi thi (CBCT) tại điểm thi, bốc thăm CBCT về phòng thi.
7h25 - 7h45	- Nhận giấy thi, giấy nháp và túi tài liệu của phòng thi; - Đánh số báo danh vào bàn của thí sinh; - Gọi thí sinh vào phòng thi; đối chiếu, kiểm tra ảnh, thẻ dự thi.
7h45 - 7h50	- CBCT1 nhận đề thi tại BCĐ điểm thi; - CBCT2 ký tên vào ô dành cho CBCT trên giấy thi, giấy nháp; - Phát và hướng dẫn thí sinh điền vào các mục trên giấy thi, giấy nháp.
7h50 - 7h55	Cho thí sinh trong phòng thi chứng kiến tình trạng niêm phong của túi đựng đề thi, sự phù hợp môn thi với lịch thi và lập biên bản xác nhận có chữ ký của 2 thí sinh.
7h55 – 8h00	- Bóc túi đựng đề thi và phát đề thi cho thí sinh; - Yêu cầu thí sinh kiểm tra tình trạng đề thi.
8h00	Bắt đầu tính giờ làm bài: Từ 8h00 - 11h00 (180')
8h15	Nộp đề thi thừa đã được niêm phong cho người được Trưởng ban coi thi phân công.
10h45	CBCT nhắc thí sinh còn 15 phút làm bài
11h00	- Hết giờ làm bài thi. CBCT thu bài thi của thí sinh; - Yêu cầu thí sinh ký vào Phiếu thu bài thi (ghi rõ số tờ giấy thi); - Bàn giao bài thi cho người được Trưởng Ban coi thi phân công.
11h00 – 11h30	Họp tổng kết kỳ thi tại BCĐ điểm thi

II. Quy chế thi

- QUY CHẾ TỔ CHỨC THI TUYỂN CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)
- Toàn văn tại:
<https://www.moha.gov.vn/DATA/DOCUMENT/2019/06/779.pdf>

Điều 4. Ban coi thi

- 4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Ban coi thi được phân công làm giám thị phòng thi:
 - c) Trong khi thực hiện nhiệm vụ coi thi, **không được mang vào phòng thi** điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi; **không được làm việc riêng**; không được hút thuốc; không được sử dụng các loại đồ uống có cồn hoặc các chất kích thích;
 - d) ... Đối với môn thi trắc nghiệm, **chỉ cho thí sinh ra khỏi phòng thi khi đã hết thời gian làm bài thi và sau khi đã nộp bài, ký nộp bài**. Trường hợp thí sinh nhất thiết phải tạm thời ra khỏi phòng thi thì giám thị phòng thi phải thông báo ngay cho giám thị hành lang để giám thị hành lang báo cáo ngay Trưởng ban coi thi xem xét, giải quyết;
 - đ) Nếu có thí sinh vi phạm nội quy, quy chế thi thì giám thị phòng thi phải lập biên bản xử lý theo quy định. Nếu có tình huống bất thường phải báo cáo ngay cho Trưởng ban coi thi.

Điều 11. Cách bố trí, sắp xếp trong phòng thi

- 1. Đối với hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính: Phòng thi được bố trí máy vi tính đáp ứng yêu cầu **mỗi thí sinh sử dụng một máy vi tính** để trực tiếp làm bài thi.
- 2. Đối với hình thức thi viết, thi trắc nghiệm trên giấy: Mỗi phòng thi bố trí tối đa 50 (năm mươi) thí sinh, **mỗi thí sinh ngồi một bàn** hoặc ngồi cách nhau ít nhất 01 (một) mét. **Trước giờ thi 30 phút, giám thị phòng thi đánh số báo danh của thí sinh tại phòng thi và gọi thí sinh vào phòng thi.**

Điều 21. Giấy làm bài thi, giấy nháp

- 3. Giấy nháp: Sử dụng thống nhất một **loại giấy nháp** do **Hội đồng thi** phát ra, có chữ ký của **giám thị** tại phòng thi.

Điều 17. Trách nhiệm của người dự thi

- 3. Khi vào phòng thi, người dự thi xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để giám thị kiểm tra; **ký xác nhận vào danh sách dự thi; nếu phát hiện sai sót hoặc nhầm lẫn về họ, tên, năm sinh hoặc các thông tin khác liên quan thì phải báo ngay cho giám thị để điều chỉnh.**

Điều 17. Trách nhiệm của người dự thi

- 4. Trong phòng thi, người dự thi phải tuân thủ các quy định sau đây:
 - b) Khi phát hiện máy vi tính không sử dụng được phải kịp thời báo cho giám thị để xem xét giải quyết. **Nghiêm cấm các hành vi làm hỏng hệ thống máy vi tính phục vụ thi;**
 - d) **Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào.**
- 5. **Người dự thi chỉ được rời khỏi phòng thi khi đã nộp bài, đồng thời ký xác nhận vào bảng kết quả thi.** Nếu người dự thi không ký xác nhận vào bảng kết quả thi thì phải nhận điểm không (0). Trường hợp giám thị coi thi phát hiện người dự thi ký thay cho người dự thi khác thì cả người ký thay và người được ký thay đều phải nhận điểm không (0).

Điều 19. Giải quyết các kiến nghị về bài thi

- 1. **Không phúc khảo đối với các bài thi trắc nghiệm trên máy vi tính.**
- 2. Trường hợp người dự thi phát hiện câu hỏi thi có sai sót, phải viết đơn kiến nghị ngay sau khi kết thúc ca thi gửi Ban coi thi. Trưởng ban coi thi có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi để xem xét, giải quyết ngay trong buổi thi đó. Không giải quyết các đơn kiến nghị về bài thi trên máy vi tính của người dự thi nhận được sau thời gian nêu trên.

Điều 22. Xác nhận tình trạng đề thi

■ Điều 22. Xác nhận tình trạng đề thi và mở đề thi

1. Giám thị phòng thi **mời 02 đại diện thí sinh** kiểm tra niêm phong phong bì đựng đề thi và **ký biên bản xác nhận** phong bì đựng đề thi được niêm phong theo quy định.

2. Trường hợp túi đựng đề thi bị mất dấu niêm phong hoặc có dấu hiệu nghi ngờ khác, giám thị phòng thi lập biên bản (có xác nhận của 02 đại diện thí sinh) tại phòng thi; đồng thời thông báo Trưởng ban coi thi để báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi xem xét, giải quyết.

III. Nội quy thi

- NỘI QUY KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)
- Toàn văn tại:
<https://www.moha.gov.vn/DATA/DOCUMENT/2019/06/779.pdf>

Điều 1. Quy định đối với thí sinh

- 1. **Phải có mặt trước phòng thi đúng giờ quy định.** Trang phục gọn gàng, thể hiện văn minh, lịch sự.
- 2. **Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân** hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng thi.
- 3. **Ngồi đúng chỗ theo số báo danh**, để Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân lên mặt bàn để các giám thị phòng thi và các thành viên Hội đồng thi kiểm tra.
- 4. *Không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi.*

Điều 1. Quy định đối với thí sinh

- 5. **Chỉ sử dụng loại giấy thi được phát để làm bài thi**, không được làm bài thi trên giấy khác. Phải ghi đầy đủ các mục quy định trong giấy làm bài thi. Mỗi tờ giấy thi phải có đủ chữ ký của 02 giám thị, **bài thi không có đủ chữ ký của 02 giám thị được xem là không hợp lệ.**
- 6. **Bài thi chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen.** Không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì để làm bài thi.
- 7. Trừ phần ghi bắt buộc trên trang phách, thí sinh không được ghi họ tên, chữ ký của thí sinh, chức danh, tên cơ quan, hoặc các dấu hiệu khác lên bài thi.
- 8. **Tuân thủ mọi hướng dẫn của giám thị;** giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong phòng thi.

Điều 1. Quy định đối với thí sinh

- 9. **Không được trao đổi với người khác trong thời gian thi**, không được trao đổi giấy thi, giấy nháp, không được quay cốp bài thi của thí sinh khác hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi.
- 10. Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai giám thị phòng thi.
- 11. Trường hợp cần **viết lại thì gạch chéo hoặc gạch ngang phần đã viết** trong bài thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

Điều 1. Quy định đối với thí sinh

- 13. Trong thời gian không được ra ngoài phòng thi theo quy định tại khoản 12 Điều này, nếu thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cho giám thị phòng thi và giám thị phòng thi phải báo ngay cho Trưởng ban coi thi xem xét, giải quyết.
- 14. Ngừng làm bài và nộp bài cho giám thị phòng thi ngay khi giám thị tuyên bố hết thời gian làm bài thi. **Phải ghi rõ tổng số tờ giấy thi đã nộp và ký vào danh sách nộp bài thi.** Trường hợp không làm được bài, thí sinh cũng phải nộp lại giấy thi.

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

- 1. Thí sinh vi phạm nội quy thi đều phải lập biên bản xử lý vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:
 - a) Khiển trách:** Hình thức kỷ luật khiển trách do giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:
 - Cố ý **ngồi không đúng chỗ** ghi số báo danh của mình;
 - Trao đổi với người khác** đã bị nhắc nhở nhưng vẫn không chấp hành;
 - Mang tài liệu vào phòng thi nhưng chưa sử dụng** (trừ trường hợp đề thi có quy định được mang tài liệu vào phòng thi).

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

- 1. Thí sinh vi phạm nội quy thi đều phải lập biên bản xử lý vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

b) Cảnh cáo: Hình thức kỷ luật cảnh cáo do giám thị phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

Sử dụng tài liệu trong phòng thi (trừ trường hợp đề thi có quy định được sử dụng tài liệu trong phòng thi);

Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với người khác;

Cho người khác chép bài hoặc chép bài của người khác;

Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng thông tin khác trong phòng thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

- 1. Thí sinh vi phạm nội quy thi đều phải lập biên bản xử lý vi phạm và tùy theo mức độ vi phạm, thí sinh sẽ bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

c) **Đình chỉ thi:** Hình thức kỷ luật đình chỉ thi do Trưởng ban coi thi quyết định, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm **đã bị lập biên bản cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm** nội quy thi.

d) **Hủy kết quả thi:** Căn cứ vào báo cáo của Chủ tịch Hội đồng thi hoặc xét, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức quyết định hủy bỏ kết quả thi đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

Có từ hai bài hoặc hai phần thi trở lên bị điểm không (0) hoặc đạt 0% số câu trả lời đúng (trừ trường hợp bỏ thi);

Viết, vẽ vào tờ giấy thi những nội dung không liên quan đến bài thi;

Đánh tráo bài thi hoặc thi hộ hoặc bị đình chỉ thi.

đ) Thí sinh **cố ý gây mất an toàn trong phòng thi, ngoài việc bị đình chỉ và hủy kết quả thi**, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

- 2. Thí sinh **vi phạm nội quy phải bị lập biên bản**, giám thị phòng thi và thí sinh cùng phải ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi, giám thị phòng thi phải báo cáo ngay với Trưởng ban coi thi. Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì giám thị phòng thi mời 02 thí sinh bên cạnh cùng ký xác nhận.
- 3. Thí sinh **có quyền tố giác** những người vi phạm nội quy thi cho Giám thị phòng thi, Trưởng ban coi thi, thành viên Hội đồng thi, thành viên Ban giám sát thi.
- 4. **Trừ điểm bài thi:**
 - a) Thí sinh bị khiển trách trong phần thi nào hoặc bài thi nào sẽ bị trừ 25% tổng số câu trả lời đúng của phần thi đó hoặc 25% tổng số điểm của bài thi đó;
 - b) Thí sinh bị cảnh cáo phần thi nào hoặc bài thi nào sẽ bị trừ 50% tổng số câu trả lời đúng của phần thi đó hoặc 50% tổng số điểm của bài thi đó.

Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh

- 5. **Chấm điểm không (0)** đối với một trong những trường hợp sau:
 - a) Có hai bài làm trở lên đối với một môn thi hoặc một phần thi;
 - b) Bài thi có chữ viết của hai người trở lên;
 - c) Bài thi được viết bằng hai màu mực khác nhau hoặc viết bằng màu mực không đúng quy định tại khoản 6 Điều 1 Nội quy này;
 - d) Bài thi viết trên giấy nháp, giấy không do giám thị phòng thi phát.